

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

#### 1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ:

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng  |            |
|--|---|------------|
| <b>Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ.</b> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Có bảng kê khai thông số kỹ thuật đầy đủ các loại hàng hóa dự thầu so với hàng hóa mời thầu, trong đó ghi chú rõ đặc tính thông số kỹ thuật “tương đương” hoặc “tốt hơn” yêu cầu của E-HSMT được duyệt. Đặc tính thông số kỹ thuật hàng hóa của E-HSMT được duyệt là yêu cầu tối thiểu.</li><li>- Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ của hàng hóa mà nhà thầu kê khai hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật quy định Mục 1 Chương V Phần 2 của E- HSMT được duyệt.</li><li>- Nhà thầu phải nêu rõ: ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất), hãng sản xuất của hàng hóa dự thầu theo Mẫu số 10B (Webform trên Hệ thống).</li><li>- Catalogue trong E-HSDT: Nhà thầu phải cung cấp catalogue hàng hóa, thiết bị hoặc hình ảnh thuyết minh có mô tả thông số kỹ thuật gửi kèm theo E-HSDT</li></ul> | <b>Đạt</b> |

|                 |   |                  |
|-----------------|---|------------------|
|                 | <p>- Không Có bảng kê khai hoặc thiếu thông số kỹ thuật đầy đủ các loại hàng hóa dự thầu so với hàng hóa mời thầu, trong đó ghi chú rõ đặc tính thông số kỹ thuật “trương đương” hoặc “tốt hơn” yêu cầu của E-HSMT được duyệt. Đặc tính thông số kỹ thuật hàng hóa của E-HSMT được duyệt là yêu cầu tối thiểu.</p> <p>Đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ của hàng hóa mà nhà thầu kê khai không đầy đủ hoặc không phù hợp đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật quy định Mục 1 Chương V Phần 2 của E- HSMT được duyệt.</p> <p>Nhà thầu không nêu rõ: Ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất), hãng sản xuất của hàng hóa dự thầu theo Mẫu số 10B (Webform trên Hệ thống).</p> <p>Nhà thầu không cung cấp catalogue hàng hóa, thiết bị hoặc hình ảnh thuyết minh có mô tả thông số kỹ thuật gửi kèm theo E-HSDT</p> | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b> | Có tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|                 | Có tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

## 2. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;

| <b>Nội dung yêu cầu</b>  | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |            |
|--|---|------------|
| <p>Có các giải pháp kỹ thuật, sơ đồ biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế. Cụ thể như sau:</p> <p>a. Biện pháp nhập khẩu hoặc sản xuất thiết bị:</p> | <p>Có thuyết minh các giải pháp kỹ thuật, sơ đồ, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế cho tất cả nội dung.</p> | <b>Đạt</b> |

|   |   |                  |
|---|---|------------------|
| <p>- Có thuyết minh chi tiết, hợp lý và nêu thời gian thực hiện cụ thể.</p> <p>b. Biện pháp vận chuyển đảm bảo chất lượng:</p> <p>- Có thuyết minh phương án vận chuyển, phương tiện vận chuyển đến đơn vị sử dụng.</p> <p>- Biện pháp bảo quản để đảm bảo về chất lượng của thiết bị trong quá trình vận chuyển.</p> <p>- Biện pháp nghiệm thu</p> | <p>Không thuyết minh hoặc không có sơ đồ hoặc Không nêu đầy đủ các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT được duyệt hoặc có nêu nhưng không chi tiết hoặc không hợp lý hoặc không hiệu quả kinh tế.</p> | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | <p>Có tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</p>   | <b>Đạt</b>       |
|   | <p>Có tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</p>   | <b>Không đạt</b> |

### 3. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì:

| <b>Nội dung yêu cầu</b>  | <b>Mức độ đáp ứng</b>  |                  |
|--|--|------------------|
| <p>Kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì đối với các hàng hoá dự thầu.<br/><i>(Khuyến khích nhà thầu tăng thời gian bảo hành, bảo trì so với yêu cầu của E-HSMT)</i></p> | <p>Nhà thầu có văn bản cam kết đổi trả và cung cấp lại hàng mới 100% khi hàng hóa không đạt chất lượng như yêu cầu của E-HSYC.<br/>Thời gian bảo hành <math>\geq 03</math> tháng</p> | <b>Đạt</b>       |
|  | <p>Nhà thầu không có cam kết đổi trả và cung cấp lại hàng mới 100% khi hàng hóa không đạt chất lượng như yêu cầu của E-HSYC.<br/>Thời gian bảo hành <math>&lt; 03</math> tháng.</p>  | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>  | <p>Có tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</p>  | <b>Đạt</b>       |
|  | <p>Có tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</p>  | <b>Không đạt</b> |

**4. Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng**

| Nội dung yêu cầu  | Mức độ đáp ứng  |                  |
|---|---|------------------|
| Điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng đối với các hàng hoá dự thầu. | Có điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng hợp lý, phù hợp với yêu cầu của E-HSMT.          | <b>Đạt</b>       |
|   | Điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng không hợp lý, không phù hợp với yêu cầu của E-HSMT. | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | Có tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Có tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

**5. Tiến độ cung cấp hàng hóa:**

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng   |            |
|--|--|------------|
| Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT được duyệt, đảm bảo <b>≤ 45 ngày</b> kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực - có tính điều kiện thời tiết và các ngày | <p>Có Bảng tiến độ chi tiết (có sơ đồ và thuyết minh chi tiết, cụ thể), trong đó phải thể hiện rõ các mốc thời gian bắt đầu và kết thúc của từng nội dung công việc, tuy nhiên tổng tiến độ không vượt thời gian cung cấp theo quy định của E- HSMT được duyệt (<b>≤ 45 ngày</b> kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực - có tính điều kiện thời tiết và các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật). Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian cung ứng hoặc sản xuất thiết bị và tập kết đến đơn vị sử dụng.</li> <li>- Thời gian nghiệm thu bàn giao.</li> </ul> | <b>Đạt</b> |

|  |   |                         |
|--|---|-------------------------|
| <p><i>ngủ theo quy định của pháp luật.</i></p> | <p>Không có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa(hoặc không có sơ đồ hoặc không có thuyết minh chi tiết); hoặc có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa (có sơ đồ và thuyết minh chi tiết) nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật; hoặc đề xuất thời gian thi công vượt quá <b>45 ngày</b>; hoặc thời gian không quá <b>45 ngày</b> nhưng không tính đến điều kiện thời tiết hoặc không tính các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật.</p> | <p><b>Không đạt</b></p> |
| <p><b>Kết luận</b></p>                         | <p>Có tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</p>   | <p><b>Đạt</b></p>       |
|  | <p>Có tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</p>   | <p><b>Không đạt</b></p> |

## 6. Yếu tố thân thiện môi trường

| Nội dung yêu cầu  | Mức độ đáp ứng  |                  |
|---|---|------------------|
| Yếu tố thân thiện môi trường của hàng hoá, sản phẩm dự thầu | Cam kết hàng hoá, sản phẩm dự thầu là những hàng hoá, sản phẩm thân thiện với môi trường, không gây hại cho môi trường trong quá trình sản xuất và sử dụng          | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có cam kết hàng hoá, sản phẩm dự thầu là những hàng hoá, sản phẩm thân thiện với môi trường, không gây hại cho môi trường trong quá trình sản xuất và sử dụng | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | Có tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Có tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

## 7. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 19 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có)

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng  |            |
|--|---|------------|
| Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (cung cấp hàng hoá) trong thời hạn 03 năm trở lại | Nhà thầu phải có thuyết minh về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đảm bảo đầy đủ cho cả 03 nội dung a), b), c). | <b>Đạt</b> |

|  |   |                         |
|--|---|-------------------------|
| <p>đây tính đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>a) Tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Chất lượng hàng hoá, dịch vụ, bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có) và các yếu tố khác có liên quan;</p> <p>c) Vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và lý do;</p> | <p>Nhà thầu không có thuyết minh về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu hoặc có thuyết minh về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu nhưng không đầy đủ theo 03 nội dung a), b), c).</p> <p>* Trường hợp phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực thi E- HSDT bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</p> | <p><b>Không đạt</b></p> |
| <p><b>Kết luận</b></p>   | <p>Có tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</p>   | <p><b>Đạt</b></p>       |
|  | <p>Có tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</p>   | <p><b>Không đạt</b></p> |

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu

chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

*\* **Lưu ý:** Nhà thầu phải trình bày thuyết minh phần đề xuất kỹ thuật theo trình tự nội dung yêu cầu về kỹ thuật của hồ sơ mời thầu gồm 07 nội dung yêu cầu cơ bản (tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7). Trường hợp nhà thầu không trình bày thuyết minh đủ 07 nội dung yêu cầu thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá các bước tiếp theo.*

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

Chọn phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

#### **Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)**

Không áp dụng.

#### **Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)**

Không áp dụng.

